

Tăng tỷ trọng

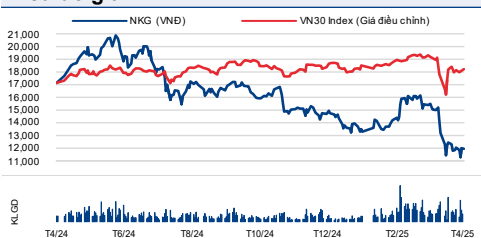
Giá mục tiêu: VNĐ17,000

Tiềm năng tăng/giảm: 42.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (25/4/2025)	11,950
Mã Bloomberg	NKG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,300-20,877
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,800
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,348
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	205
Sig CP lưu hành (tr.đv)	448
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	224
Sig CP NN được mua (tr.đv)	132
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.6%
Tỷ lệ freefloat	79.6%
Cổ đông lớn	Hồ Minh Quang (15.9%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	20,609	21,913	26,850
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,064	1,275	1,797
LNTT (tỷ đồng)	558	763	946
LNT ĐC (tỷ đồng)	430	580	764
FCF (tỷ đồng)	(1,441)	1,253	(4,408)
EPS ĐC (đồng)	956	1,289	1,698
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	18,584	17,869	19,567
T.trưởng EBITDA (%)	42.1	19.8	40.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	222	(5.39)	31.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.16	5.82	6.69
Tỷ suất LNTT (%)	2.71	3.48	3.52
Tỷ suất LNT ĐC (%)	2.20	2.79	3.00
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	102	77.1	79.6
ROAE (%)	8.02	8.78	9.55
ROACE (%)	12.2	11.6	11.5
EV/doanh thu (lần)	0.47	0.52	0.46
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.11	9.01	6.84
P/E ĐC (lần)	12.5	9.27	7.04
P/B (lần)	0.64	0.67	0.61
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Tập đoàn Nam Kim là doanh nghiệp lớn thứ hai trong ngành tôn Việt Nam. 60-65% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu và thị trường xuất khẩu chính của NKG bao gồm các nước Đông Nam Á, Mỹ và Châu Âu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q1/2025: LNTT giảm 57% so với cùng kỳ nhưng phục hồi mạnh so với quý trước

- NKG đã tổ chức ĐHCĐ vào sáng ngày 25/4/2025 và đề ra KHKD thận trọng cho năm 2025, với LNTT 440 tỷ đồng (giảm 21% so với cùng kỳ) trên doanh thu 23 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 11%). Sản lượng tiêu thụ năm 2025 được kỳ vọng tăng 2,3% so với cùng kỳ đạt 1,05 triệu tấn.
- Công suất mới 1 triệu tấn/năm sẽ được đưa vào vận hành từ Q4/2025, nâng công suất thiết kế của NKG tại thời điểm cuối năm 2025 lên 2,1 triệu tấn. Phần công suất mới này dự kiến sẽ vận hành ở mức tối đa 100% vào cuối năm 2027.
- LNTT Q1/2025 giảm 57% so với cùng kỳ xuống 81 tỷ đồng nhưng tăng 418% so với quý trước trên doanh thu thuần 4,1 nghìn tỷ đồng, giảm 9% so với quý trước và giảm 23% so với cùng kỳ. NKG đã hoàn thành 11% dự báo LNTT cho cả năm của chúng tôi ở mức 763 tỷ đồng (tăng trưởng 37%). Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: ĐHCĐ diễn ra ngày 25/4/2025

Tại ĐHCĐ của NKG được tổ chức ngày 25/4/2025, cổ đông đã thông qua tất cả các tờ trình, bao gồm KHKD năm 2025, kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP và bầu HĐQT mới. Chi tiết như sau:

Đặt KHKD năm 2025 thận trọng do doanh thu xuất khẩu giảm

NKG đặt mục tiêu LNTT giảm 21% so với cùng kỳ đạt 440 tỷ đồng trên doanh thu thuần 23 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 11%). KHKD của Công ty dựa trên giả định sản lượng tiêu thụ ở mức 1,05 triệu tấn, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Mục tiêu LNTT thấp hơn nhiều so với dự báo của chúng tôi ở mức 763 tỷ đồng (tăng trưởng 36,7%) mặc dù mục tiêu doanh thu thuần cao hơn 5% so với dự báo ở mức 22 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 6%).

Chúng tôi cho rằng KHKD của Công ty khác với dự báo là do sự chênh lệch trong giả định hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho. Chi tiết như sau:

- HSC dự báo LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 502 tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ), cao hơn 14% so với mục tiêu LNTT của Công ty ở mức 440 tỷ đồng (giảm 21% so với cùng kỳ).
- Chúng tôi cũng dự báo NKG sẽ ghi nhận khoảng 261 tỷ đồng LNTT nhờ lượng HRC tồn kho có chi phí thấp được tính mức giá cao hơn sau khi thuế CBPG tạm thời đối với HRC Trung Quốc có hiệu lực từ ngày 8/3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 25/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, NKG

LNTT giảm 57% so với cùng kỳ mặc dù hồi phục mạnh so với quý trước, đạt 81 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q1/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	KH 2025	Tăng trưởng	Dự báo 2025	% dự báo của HSC
Sản lượng tiêu thụ (triệu tấn)	0.2	-19.3%	-11.6%	1.05	2.7%	1.08	19.0%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	20.0	-4.0%	3.8%	21.9	8.2%	20.3	n/a
Doanh thu	4,100	-22.5%	-8.3%	23,000	11.1%	21,913	18.7%
LNTT	81	-56.9%	418.4%	440	-21.1%	763	10.6%
LNTT cốt lõi	81	-56.9%	418.4%	440	-21.1%	502	16.1%
LN thuần (*)	65	-56.9%	251.6%	n/a		611	10.6%

(*): HSC ước tính
Nguồn: NKG, HSC

Đối với KQKD Q1/2025, tại ĐHCĐ, Công ty công bố KQKD sơ bộ với doanh thu thuần 4,1 nghìn tỷ đồng (giảm 23% so với cùng kỳ và giảm 9% so với quý trước) và LNTT 81 tỷ đồng (giảm 57% so với cùng kỳ nhưng tăng 418% so với quý trước). Kết quả này đa phần sát với dự báo LNTT và lợi nhuận thuần của chúng tôi ở mức 85 tỷ đồng và 70 tỷ đồng.

Trước khi thông tin chi tiết được công bố, chúng tôi dự báo doanh thu thuần giảm chủ yếu do sản lượng tiêu thụ thép giảm 19% so với cùng kỳ và giảm 12% so với quý trước xuống 205.423 tỷ đồng khi sản lượng xuất khẩu giảm mạnh. Vấn đề này sẽ được thảo luận ở phần bên dưới. LNTT giảm mạnh (so với cùng kỳ) do giá bán bình quân giảm 4% so với cùng kỳ. So với quý trước, lợi nhuận phục hồi mạnh nhờ giá bán bình quân tăng 4%, giúp tỷ suất lợi nhuận phục hồi (Bảng 1). HSC giả định toàn bộ LNTT Q1/2025 đều đến từ HĐKD cốt lõi.

Tuy nhiên, với kết quả này NKG hoàn thành 19% dự báo doanh thu thuần và 16% dự báo lợi nhuận từ HĐKD cốt lõi năm 2025 của chúng tôi.

Nhu cầu trong nước cao nhưng nhu cầu xuất khẩu thấp

Trong Q1/2025, doanh thu xuất khẩu giảm mạnh 44% so với cùng kỳ và giảm 19% so với quý trước xuống chỉ còn 96.735 tấn do không xuất khẩu sang Mỹ và xuất khẩu sang châu Âu giảm do hạn ngạch cấp cho Việt Nam được kiểm soát chặt chẽ hơn. Sản lượng tiêu thụ trong nước cải thiện mạnh 33% so với cùng kỳ đạt 108.688 tấn, mặc dù vẫn còn giảm 4% so với quý trước do yếu tố thời vụ. Do đó, hoạt động xuất khẩu đóng góp 47% sản lượng tiêu thụ, thấp hơn so với mức 68% trong Q1/2024 và 51% trong Q4/2024. Theo đó, doanh thu trong nước đóng góp 53% trong giai đoạn này, cao hơn so với mức 32% trong Q1/2024 và 49% trong Q4/2024.

Nhà máy Phú Mỹ mới đang được xây dựng đúng kế hoạch

Lưu ý, tại ĐHCĐ được tổ chức vào tháng 4 năm ngoái, cổ đông đã thông qua kế hoạch xây nhà máy thép mới với tổng vốn đầu tư 4,5 nghìn tỷ đồng, bổ sung thêm 1.000.000 tấn thép thành phẩm mỗi năm (điều chỉnh tăng từ 800.000 tấn ban đầu), nâng tổng công suất thiết kế lên 2,1 triệu tấn, tăng 91%. Trong số đó có:

- 400.000 tấn tôn mạ mỗi năm, nâng tổng công suất tôn mạ hằng năm lên 1,5 triệu tấn (từ mức hiện tại là 1,1 triệu tấn), tương ứng với mức tăng 36%.
- 600.000 tấn thép tấm chất lượng cao, như thép cán nguội cứng CRFH, thép cuộn cán nóng PO và thép cán nguội CRC. Ngoài các công ty FDI như Posco (Hàn Quốc) và CSVN (liên doanh giữa Trung Quốc và Nhật Bản), hiện có rất ít công ty bán những sản phẩm này. Việc sản xuất những dòng sản phẩm này giúp NKG chịu ít áp lực cạnh tranh cũng như áp lực từ các chính sách bảo hộ thương mại hơn so với việc phân phối các sản phẩm tôn mạ như tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim và tôn lạnh màu. Những sản phẩm mới này, sẽ được bán tại thị trường trong nước và xuất khẩu, được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp hỗ trợ, máy móc, công nghiệp ô tô và đồ gia dụng. Những sản phẩm này sẽ giúp NKG cải thiện tỷ suất lợi nhuận nhờ tạo ra cơ cấu sản phẩm tốt hơn.

Công ty đang lắp đặt máy móc và sẽ tiến hành chạy thử từ Q4/2025. HSC dự báo hoạt động sản xuất sản phẩm mới này sẽ bắt đầu có đóng góp thương mại vào đầu năm 2026. NKG kỳ vọng nhà máy mới sẽ hoạt động với công suất tối đa vào cuối năm 2027.

Các tờ trình khác bao gồm kế hoạch cổ tức và phát hành cổ phiếu ESOP

Tại đại hội, cổ đông đã thông qua đề xuất không chi trả cổ tức năm 2024. Nhưng đối với năm 2025, Công ty chưa quyết định về kế hoạch chi tiết.

ĐHCĐ đã thông qua kế hoạch phát hành tối đa 4,5 cổ phiếu ESOP (chiếm 1% tổng số cổ phiếu đang lưu hành) với giá 10,000đ/cp. Những cổ phiếu này sẽ

bị hạn chế chuyển nhượng trong 2 năm, trong đó 50% số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm và số còn lại bị hạn chế trong 2 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Chúng tôi chưa phản ánh kế hoạch này vào mô hình dự báo lợi nhuận, cho thấy tỷ lệ pha loãng EPS tiềm năng là 1%.

Xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị

HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị đối với NKG sau các đợt bán tháo trong thời gian gần đây. Mặc dù vậy, NKG đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2025 hấp dẫn ở mức 0,67 lần, thấp hơn so với bình quân quá khứ ở mức 0,8 lần.

Bảng 2: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ Q1/2025, NKG

Sản lượng tiêu thụ Q1/2025 giảm 19% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước do xuất khẩu giảm

Tân	Q1/2024	Q1/2025	So với cùng kỳ	So với quý trước
Tổng sản lượng tiêu thụ	254,503	205,423	-19.3%	-11.6%
Trong nước	81,800	108,688	32.9%	-3.8%
Xuất khẩu	172,703	96,735	-44.0%	-18.9%
Tỷ trọng	100.0%	100.0%		
Trong nước	32.1%	52.9%		
Xuất khẩu	67.9%	47.1%		

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	18,596	20,609	21,913	26,850	31,571
Lợi nhuận gộp	1,112	1,832	2,192	2,801	3,655
Chi phí BH&QL	(739)	(1,138)	(1,315)	(1,692)	(1,989)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	373	694	877	1,109	1,666
Lãi vay thuần	(196)	(136)	(124)	(175)	(219)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	0.24	0.72	10.3	12.6	14.5
LNTT	177	558	763	946	1,461
Chi phí thuế TNDN	(59.9)	(105)	(153)	(142)	(175)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	117	453	611	804	1,286
Lợi nhuận thuần ĐC	112	430	580	764	1,221
EBITDA ĐC	749	1,064	1,275	1,797	2,406
EPS (đồng)	446	1,434	1,357	1,787	2,857
EPS ĐC (đồng)	248	956	1,289	1,698	2,714
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	263	316	450	450	450
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	263	316	450	450	450
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	450	450	450	450	450

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	785	392	1,296	2,602	4,159
Đầu tư ngắn hạn	290	247	124	61.8	74.1
Phải thu khách hàng	1,927	1,943	1,972	2,417	2,999
Hàng tồn kho	5,719	6,690	6,311	7,215	7,816
Các tài sản ngắn hạn khác	602	930	1,096	1,343	1,579
Tổng tài sản ngắn hạn	9,323	10,202	10,798	13,637	16,628
TSCĐ hữu hình	2,301	2,231	5,084	5,392	4,664
TSCĐ vô hình	332	321	328	336	344
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	3.18	525	525	525	525
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	276	240	216	194	175
Tổng tài sản dài hạn	2,913	3,317	6,152	6,446	5,707
Tổng cộng tài sản	12,235	13,519	16,950	20,084	22,335
Nợ ngắn hạn	4,768	6,312	6,311	8,177	8,933
Phải trả người bán	1,631	856	986	1,202	1,396
Nợ ngắn hạn khác	178	194	204	215	228
Tổng nợ ngắn hạn	6,784	7,621	7,786	9,908	10,902
Nợ dài hạn	0	0	1,096	1,343	1,579
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	27.4	25.9	25.9	25.9	25.9
Nợ dài hạn khác	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90
Tổng nợ dài hạn	28.3	26.8	1,122	1,369	1,605
Tổng nợ phải trả	6,812	7,648	8,908	11,277	12,507
Vốn chủ sở hữu	5,423	5,871	8,042	8,807	9,827
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	5,423	5,871	8,042	8,807	9,827
Tổng nợ phải trả và VCSH	12,235	13,519	16,950	20,084	22,335
BVPS (đ)	20,598	18,584	17,869	19,567	21,835
Nợ thuần/(tiền mặt)	3,982	5,920	6,111	6,918	6,352

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	373	694	877	1,109	1,666
Khấu hao	(376)	(370)	(397)	(687)	(740)
Lãi vay thuần	(196)	(136)	(124)	(175)	(219)
Thuế TNDN đã nộp	(7.38)	(53.4)	(153)	(142)	(175)
Thay đổi vốn lưu động	(346)	(1,632)	(27.9)	(1,802)	(1,728)
Khác	(419)	(127)	(114)	(163)	(205)
LCT thuần từ HĐKD	269	(541)	1,323	113	799
Đầu tư TS dài hạn	(130)	(901)	(70.4)	(4,521)	(69.7)
Góp vốn & đầu tư	(30.5)	(800)	0	0	0
Thanh lý	15.0	341	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(146)	(1,360)	(70.4)	(4,521)	(69.7)
Cổ tức trả cho CSH	0	0	0	0	(225)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(309)	1,510	(349)	5,714	1,054
Khác	(33.8)	(3.07)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(342)	1,507	(349)	5,714	829
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,005	785	392	1,296	2,602
LCT thuần trong kỳ	(220)	(393)	904	1,306	1,558
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.39)	(0.71)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	785	392	1,296	2,602	4,159
Dòng tiền tự do	138	(1,441)	1,253	(4,408)	729

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	5.98	8.89	10.0	10.4	11.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.03	5.16	5.82	6.69	7.62
Tỷ suất LNT (%)	0.63	2.20	2.79	3.00	4.07
Thuế TNDN hiện hành (%)	33.8	18.8	20.0	15.0	12.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(19.4)	10.8	6.33	22.5	17.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	58.9	42.1	19.8	40.9	33.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	194	286	34.8	31.8	59.8
Tăng trưởng EPS (%)	194	222	(5.39)	31.8	59.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	155	286	34.8	31.8	59.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	2.19	8.02	8.78	9.55	13.8
ROACE (%)	6.90	12.2	11.6	11.5	15.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.45	1.60	1.44	1.45	1.49
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.72	(0.78)	1.51	0.10	0.48
Số ngày tồn kho	119	130	117	109	102
Số ngày phải thu	40.2	37.8	36.5	36.7	39.2
Số ngày phải trả	34.1	16.6	18.3	18.2	18.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	76.1	102	77.1	79.6	65.7
Nợ/tài sản (%)	40.2	47.3	44.2	47.9	47.5
EBIT/lãi vay (lần)	1.90	5.08	7.05	6.33	7.60
Nợ/EBITDA (lần)	6.56	6.01	5.88	5.35	4.41
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.37	1.34	1.39	1.38	1.53
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.38	0.47	0.52	0.46	0.37
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.52	9.11	9.01	6.84	4.88
P/E (lần)	26.8	8.33	8.81	6.69	4.18
P/E ĐC (lần)	48.2	12.5	9.27	7.04	4.40
P/B (lần)	0.58	0.64	0.67	0.61	0.55
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn